

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 101/BC-CTCPNS

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600100109
Do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 7 ngày 14/2/2023.
- Vốn điều lệ : 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Trụ sở chính : Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại : (+84).0208.3851537
- Fax : (+84).0208.3852976
- Website : <http://www.nuocsachthainguyen.vn>
- Mã cổ phiếu : TNW

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên (theo Quyết định



số: 2691/QĐ- UBND ngày 22/10/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Công ty tiến hành phiên họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/12/2009 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2010.

Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập:

- **Năm 1962:** Nhà máy nước Túc Duyên được thành lập.
- **Ngày 31/12/1992:** Doanh nghiệp Nhà nước: Nhà máy nước Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-UB ngày 31/12/1992 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 24/11/1993:** Nhà máy nước Bắc Thái được đổi tên thành Công ty Cấp nước Bắc Thái, tại Quyết định số 746/UB-QĐ ngày 24/11/1993 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 04/4/1997:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 681/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Cấp nước Bắc Thái thành Công ty Cấp nước Thái Nguyên.
- **Ngày 07/10/2005:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2088/QĐ- UBND về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty Cấp nước Thái Nguyên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 22/10/2009:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 21/10/2014:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2338/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu doanh nghiệp và phương án phát hành cổ phần, tăng Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên lên 160 tỷ đồng.
- **Ngày 25/4/2017:** Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017.
- **Ngày 26/5/2017:** Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước;	3600 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;	4322
4	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
5	Xây dựng nhà các loại;	4210
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290

7	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);	7020
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp; Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp, công trình điện năng; Giám sát xây dựng công trình dân dụng, cấp thoát nước, đường dây và trạm điện;	7110
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy);	5221
12	Cho thuê xe có động cơ;	7710
13	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;	8130
14	Sản xuất khác chưa phân vào đâu (Chế tạo thiết bị ngành nước);	3290
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

Địa bàn kinh doanh:

- Thành phố Thái Nguyên;
- Thành phố Sông Công;
- Thành phố Phổ Yên và các vùng lân cận;
- Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đu, huyện Phú Lương và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai và các vùng lân cận;
- Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ và các vùng lân cận;
- Khu công nghiệp Diêm Thụy, Phú Bình và các vùng lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông

Chị em

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 04 thành viên
 - + Các phòng chức năng: 05
 - + Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: 01
 - + Chi nhánh xí nghiệp: 09

3.3. Công ty con: :

(1) Công ty TNHH Xây dựng công trình nước sạch Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

(2) Công ty TNHH Friend

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ nước tinh khiết và các đồ uống không cồn, đồ uống có cồn.
- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

4.4. Công ty liên kết:

(1) Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam

- Địa chỉ: Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Vốn điều lệ thực góp: 232.498.900.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai tỷ, bốn trăm chín tám triệu, chín trăm nghìn đồng).
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 35,91 % vốn điều lệ thực góp.

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

CAI

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đầu tư trong lĩnh vực ngành nghề chính là Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch sinh hoạt đáp ứng theo văn bản Thỏa thuận dịch vụ cấp nước đã ký kết với UBND tỉnh Thái Nguyên.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch (nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng các máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường ..., đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

5. Các rủi ro:

- Giá bán nước sinh hoạt (thảm quyền do UBND tỉnh quyết định) điều chỉnh chưa kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch của khách hàng sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến sản lượng, doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông, đô thị trong tỉnh đã buộc Công ty phải chi phí dịch chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát thất thoát nước.

- Tỷ lệ hộ khách hàng sử dụng cả nguồn tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên mức sử dụng nước bình quân các hộ hàng tháng thấp hơn mục tiêu tại Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xung đột vũ trang trên thế giới và rủi ro về thiên tai, dịch bệnh ở trong nước ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội nói chung và ảnh hưởng đến mức độ tiêu thụ nước sạch của Công ty nói riêng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chị

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH năm 2023	Tỷ lệ TH năm 2023 / năm 2022
1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	16.463.000	16.600.657	100,8 %	103,7 %
-	<i>Khu vực cổ phần</i>	<i>m³</i>	<i>15.673.000</i>	<i>15.895.927</i>	<i>101,4 %</i>	<i>104,4 %</i>
-	<i>Khu vực chưa cổ phần</i>	<i>m³</i>	<i>790.000</i>	<i>704.730</i>	<i>89,2 %</i>	<i>90,0 %</i>
2	Tỷ lệ thất thoát	%	17,90	17,31	- 0,59	+ 0,11 %
-	<i>Khu vực cổ phần</i>	%	<i>18,04</i>	<i>17,04</i>	<i>- 1,00</i>	<i>- 0,14 %</i>
-	<i>Khu vực chưa cổ phần</i>	%	<i>15,07</i>	<i>22,57</i>	<i>+ 7,50</i>	<i>+ 5,20 %</i>
3	Mở mạng khách hàng mới	Hộ	2.745	2.688	97,9 %	126,2 %
4	Tổng giá trị sản lượng	1.000đ	187.016.000	188.083.168	100,6 %	105,9 %
5	Tổng doanh thu	1.000đ	218.792.730	222.350.783	101,6 %	117,0 %
6	Nộp ngân sách	1.000đ	9.395.983	11.744.408	125,0 %	178,7 %
7	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	15.206.252	(6.207.862)		
-	<i>Khu vực cổ phần</i>	<i>1.000đ</i>	<i>20.638.960</i>	<i>291.085</i>	<i>1,4 %</i>	<i>2,1 %</i>
-	<i>Khu vực chưa cổ phần</i>	<i>1.000đ</i>	<i>(5.433.000)</i>	<i>(6.498.947)</i>	<i>119,6%</i>	<i>105,4%</i>
8	Cổ tức	%	9,0	0,15	1,7 %	
9	Tổng số lao động bình quân	Người	460	455	98,9 %	100,4 %
10	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000đ	9.000	11.243	124,9	123,5 %

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, sự quyết tâm, đoàn kết của toàn thể cán bộ, người lao động Công ty, năm 2023 Công ty đã đạt được những kết quả nổi bật như: Đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định, kiểm soát tốt an ninh nguồn nước, chất lượng nước tại các nhà máy, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty; hoàn thành bàn giao dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên đi vào vận hành chính thức, nâng công suất sản xuất nước sạch của toàn Công ty lên 120.800 m³/ngày đêm; sản lượng nước thương phẩm vượt kế hoạch đề ra; tổng doanh thu và nộp ngân sách Nhà nước vượt kế hoạch; bảo đảm đời sống, việc làm, chế độ của người lao động được thực hiện đầy đủ, thu nhập bình quân tăng trưởng cao; tuy nhiên hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty chưa đạt kế hoạch do dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên mới đi vào hoạt động, công suất phát huy còn thấp, giá bán nước sạch khu vực chưa cổ phần thấp hơn giá thành được duyệt; công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ,

(Chữ ký)

phòng chống lụt bão, an ninh trật tự trong Công ty được giữ vững. Các hoạt động xã hội, từ thiện, văn nghệ, thể thao được duy trì tốt và đạt được nhiều thành tích. Với những kết quả đạt được, năm 2023 Công ty vinh dự được UBND tỉnh Thái Nguyên tặng Cờ thi đua, Liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên chứng nhận Doanh nghiệp Vì người lao động, giai đoạn 2021-2023.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết gồm cả CP đại diện (Tính đến ngày 26/3/2024)
1.	Nguyễn Xuân Học	TGD	1971	Cử nhân Kinh tế	3.449.232
2.	Nguyễn Văn Tiến	PTGD	1969	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp	1.656.984
3.	Nguyễn Bá Quyết	PTGD	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cấp Thoát nước	0
4.	Lê Huy Phú	PTGD	1983	Kỹ sư Cấp Thoát nước, Kỹ sư Tự động hoá	1.657.032
5.	Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	1984	Cử nhân Kế toán	0

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

Từ ngày 04/10/2023 ông Lê Huy Phú được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

2.3 Số lượng cán bộ CNV-LĐ thuộc công ty tính đến hết ngày 31/12/2023:

Tổng số lao động: 461 người.

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước, quy chế nội bộ không có thay đổi lớn. Năm 2023 Công ty tiếp tục thực hiện quy chế nâng lương, thi nâng bậc cho cán bộ, nhân viên nghiệp vụ,, người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành bàn giao cho Công ty tiếp nhận và chính thức vận hành kể từ 25/10/2023. Năm 2023 đã giải ngân 10,185 tỷ đồng.

- Các công trình đầu tư: Hoàn thành kiểm soát hồ sơ quyết toán giá trị hoàn thành cho 13 công trình với tổng giá trị 11,8 tỷ đồng.

- Các công trình sửa chữa: Hoàn thành kiểm soát hồ sơ quyết toán giá trị hoàn thành cho 17 công trình với tổng giá trị 14,3 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có gì thay đổi lớn so với năm trước.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	932.422.268.846	863.081.905.901	- 7,4 %
	- Tài sản ngắn hạn	đồng	105.210.729.213	77.552.617.386	- 26,3 %
	- Tài sản dài hạn	đồng	827.211.539.633	785.529.288.515	- 5,0 %
2	Doanh thu thuần	đồng	188.147.278.304	221.592.977.503	17,8 %
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	đồng	11.183.625.551	(3.425.669.627)	
4	Lợi nhuận khác	đồng	(66.542.030)	55.570.641	
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	11.117.083.521	(3.370.098.986)	
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	7.496.280.201	(6.207.862.064)	
	- Khu vực cổ phần	đồng	13.660.754.338	291.085.337	2,1 %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(6.164.474.137)	(6.498.947.401)	105,4%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	469	(388)	

b). Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu		Năm 2022	Năm 2023
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,48	0,43
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,42	0,36
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,76	0,75
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	3,18	2,97
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

Handwritten signature

	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	7,2	8,5
	- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	lần	0,20	0,26
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số P sau thuế/ DT thuần	lần	0,040	(0,03)
	- Hệ số P sau thuế/ Vốn CSH	lần	0,034	(0,03)
	- Hệ số P sau thuế/ Tổng TS	lần	0,008	(0,007)
	- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần	lần	0,059	(0,02)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 cổ phần, bao gồm 100 % là cổ phần phổ thông, trong đó:

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước sở hữu: 6.763.200 cổ phần

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Ngày 25/4/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên

+ Mã chứng khoán: TNW

+ Mã ISIN: VN000000TNW1

+ Sàn giao dịch: UPCOM

+ Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

+ Số lượng cổ phiếu đăng ký: 16.000.000 cổ phiếu

+ Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)

+ Hình thức đăng ký: Ghi số

- Ngày 26/5/2017 Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

b) Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm 26/3/2024):

(1) Cơ cấu theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:

- Cổ đông lớn: 03 CĐ, nắm giữ 93,32% Vốn Điều lệ

- | | | | |
|--|-----------------|----------|-------------|
| - Cổ đông nhỏ: | 363 CD, nắm giữ | 6,68% | Vốn Điều lệ |
| (2) Cơ cấu cổ đông là tổ chức và cá nhân: | | | |
| - Cổ đông là tổ chức: | 02 CD, nắm giữ | 83,27% | Vốn Điều lệ |
| - Cổ đông là cá nhân: | 364 CD, nắm giữ | 16,73% | Vốn Điều lệ |
| (3) Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài: | | | |
| - Cổ đông trong nước: | 364 CD, nắm giữ | 99,999 % | Vốn Điều lệ |
| - Cổ đông nước ngoài: | 02 CD, nắm giữ | 0,001 % | Vốn Điều lệ |
| (4) Cơ cấu cổ đông Nhà nước và cổ đông khác: | | | |
| - Cổ đông Nhà nước: | 01 CD, nắm giữ | 42,27% | Vốn Điều lệ |
| - Cổ đông khác: | 365 CD, nắm giữ | 57,73% | Vốn Điều lệ |

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có sự thay đổi.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Nước: 20.640.963 m³
- Clo lỏng: 135.778 kg
- Javen công nghiệp: 99.984 kg
- Phèn kép: 408.760 kg
- Vôi bột: 104.753 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện năng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 6.450.202 KWh.

b) Điện năng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

(Chữ ký)

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước ngầm và nước sông Công. Lượng nước sử dụng: 20.640.963 m³ dùng làm nguyên liệu để sản xuất nước sạch sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân: 455 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 11.243.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật lao động hiện hành, hỗ trợ kinh phí cho người lao động thăm quan, nghỉ mát.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 10 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; học tập về các văn bản của Đảng, pháp luật mới của Nhà nước...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo, nâng cấp mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cấp nước.

Giá bán nước đối với hộ nghèo được miễn từ 0 đến 10 m³/tháng, giá bán từ 11 m³ trở lên thấp hơn 15,3% so các hộ dân khác.

Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện - xã hội do chính quyền địa phương và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự quyết tâm đoàn kết của toàn thể cán bộ, người lao động Công ty, năm 2023 Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất, đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định, kiểm soát tốt an ninh nguồn nước, chất lượng nước tại các nhà máy sản xuất, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty; hoàn thành bàn giao dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên và vận hành an toàn hệ thống cấp nước khu vực thành phố Thái Nguyên khi tiếp nhận, vận hành chính thức nhà máy nước Nam Núi Cốc, nâng tổng công suất sản xuất nước sạch của toàn Công ty hiện nay trên 120.800m³/ngày đêm; tổng doanh thu và nộp ngân sách Nhà nước vượt kế hoạch và tăng trưởng so năm 2022; bảo đảm đời sống, việc làm, chế độ của người lao động được thực hiện đầy đủ, thu nhập bình quân tăng trưởng 23,5 % so năm 2022; công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; phòng chống lụt bão, an ninh trật tự trong Công ty được giữ vững. Các hoạt động xã hội, từ thiện, văn nghệ, thể thao được duy trì tốt và đạt được nhiều thành tích. Công ty được UBND tỉnh tặng thưởng Cờ thi đua năm 2023, Liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên chứng nhận Doanh nghiệp Vì người lao động, giai đoạn 2021-2023.

Lợi nhuận chưa đạt kế hoạch nguyên nhân chính do dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên mới hoàn thành đi vào vận hành, công suất phát huy còn thấp; công tác cơ cấu, sáp nhập các đơn vị chưa cổ phần khu vực các huyện được UBND tỉnh giao quản lý chưa thực hiện do chờ cơ quan quản lý có thẩm quyền chỉ đạo cụ thể.

Sản lượng nước thương phẩm của các đơn vị khu vực các huyện chưa cổ phần đạt thấp so kế hoạch và giảm so năm 2022, nguyên nhân do: Đa số khách hàng sử dụng cả nguồn nước tự khai thác; khu vực thị trấn Hùng Sơn - huyện Đại Từ xảy ra tình trạng có đơn vị cấp nước chong lẩn vùng cấp nước, vi phạm Nghị định của Chính phủ và các văn bản của UBND tỉnh Thái Nguyên, Công ty đã có văn bản kiến nghị chính quyền địa phương huyện Đại Từ nhưng chưa được giải quyết dứt điểm.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Tổng giá trị tài sản năm 2023 giảm 7,4% so năm 2022, trong đó Tài sản ngắn hạn giảm 26,3%, Tài sản dài hạn giảm 05 %.

b) Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính:

- Lãi chậm nộp cổ tức phân vốn Nhà nước đến năm 2023 do chưa được UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét chính sách cấp bù/hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với số lỗ của các xí nghiệp nước sạch khu vực các huyện mà nhà nước giao Công ty quản lý.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 0,43

- Hệ số thanh toán nhanh: 0,36

- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản: 0,75

- Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu: 2,97

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc lao động hằng tháng, có cơ chế thưởng cán bộ, người lao động có thành tích mang lại hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống đường ống truyền tải và phân phối để mở rộng vùng cấp nước, phát triển khách hàng mới để phát huy công suất của các nhà máy.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy, kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm trên hệ thống mạng cấp nước.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp và gây thất thoát nước.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước sản xuất theo quy định.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và công tác xã hội tại địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhất trí theo báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 (Mục III.1).

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu chính như: Sản lượng nước thương phẩm, tỷ lệ thất thoát nước, tổng doanh thu so kế hoạch đề ra, bảo đảm an toàn về tài sản, an toàn lao động; bảo đảm đời sống, việc làm, thu nhập và mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp. Tiếp nhận bàn giao và vận hành an toàn các công trình thuộc Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên. Chấp hành tốt các nghị quyết

của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty. Còn một số chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra chưa hoàn thành chủ yếu do nhiều nguyên nhân khách quan.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Công tác sản xuất nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm.
- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là phát triển cấp nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- Tiếp tục rà soát để tổ chức bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp với tính chất ngành nghề, nâng cao chất lượng cán bộ, người lao động.
- Tiếp tục xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật để nâng cao công tác quản lý, giám sát; xây dựng mô hình khoán hiệu quả, phù hợp đối với từng lĩnh vực.
- Đề xuất cấp thẩm quyền đầu tư phát triển hệ thống cấp nước tại các khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa có hệ thống cấp nước tập trung; phê duyệt về lộ trình điều chỉnh và mức điều chỉnh tăng giá bán nước sạch hằng năm từ 5% đến 7% để Công ty và khách hàng (đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài) chủ động trong việc lập kế hoạch sản xuất hằng năm, tăng thêm nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản xuất, sửa chữa, cải tạo, thay thế máy móc, thiết bị từ việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả từng khoản chi phí trong giá thành sản xuất nước phù hợp với thực tế phát sinh.
- Lập các dự án đầu tư mở rộng vùng cấp nước tới huyện Đông Hỷ, huyện Phú Bình và vùng lân cận để phát huy công suất các nhà máy sản xuất.
- Lập phương án/kế hoạch chống thất thoát, thất thu trung hạn và lộ trình từng năm.
- Tiếp tục đầu tư thay thế các tuyến ống cũ, ống thép cũ trước đồng hồ, sửa chữa lớn các tài sản cố định đã hư hỏng, xuống cấp.
- Đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin tiến tiến trong quản lý sản xuất nước sạch, quản lý khai thác tài nguyên nước, quản lý chống thất thu, thất thoát, an toàn vệ sinh lao động, nâng cao chất lượng công tác thông tin, giao dịch với khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 26/3/2024)	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại công ty khác
1	Nguyễn Quang Mãi	8.167.546	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn quốc tế

				Đông á. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng. - Chủ tịch HĐQT Công ty DOINCO Việt Nam. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần VBIC Việt Nam.
2	Nguyễn Xuân Học	3.449.232	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Văn Tiến	1.656.984	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
4	Nguyễn Bá Quyết	0	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
5	Lê Quang Hải	0	Thành viên HĐQT	

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã có 22 phiên họp để xem xét và quyết định các nội dung theo thẩm quyền và nghĩa vụ quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các buổi họp của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung và kết quả các cuộc họp được phản ánh đầy đủ tại Báo cáo quản trị công ty năm 2023 theo quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: HĐQT chưa có thành viên độc lập.

e) Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và Tên	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Bá Quyết	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 26/3/2024)

Nguyễn Văn Tiến

1	Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban	0
2	Hoàng Thị Huệ	Thành viên	13.611
3	Nguyễn Thị Mai	Thành viên	0

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Tổ chức 05 cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cụ thể: Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ; xem xét đánh giá kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát chi trong năm 2023:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2023:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Diễn giải	Lương+ phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Các khoản khác (lễ, tết)	Tổng cộng
I	HĐQT, Ban TGD					
1	Nguyễn Quang Mãi		3.000.000	528.000.000	8.200.000	539.200.000
2	Nguyễn Xuân Học	361.242.000	2.000.000	115.200.000	8.200.000	486.642.000
3	Nguyễn Bá Quyết	283.365.000		115.200.000	8.200.000	406.765.000
4	Nguyễn Văn Tiến	313.997.000	2.000.000	115.200.000	8.200.000	439.397.000
5	Lê Quang Hải	178.500.000		67.200.000	2.500.000	248.200.000
6	Lê Huy Phú	348.841.331			8.200.000	357.041.331
II	Ban Kiểm Soát					

Handwritten signature

1	Vũ Khánh Lâm			330.000.000	8.200.000	338.200.000
2	Hoàng Thị Huệ	229.759.436		84.480.000	8.200.000	322.439.436
3	Nguyễn Thị Mai			184.800.000	8.200.000	193.000.000
III	Cán bộ quản lý					
1	Nguyễn Minh Phương	368.500.000			8.200.000	376.700.000
2	Đặng Thị Duyên	290.624.009			8.200.000	298.824.009
3	Trần Tiến Soạn	306.393.600			8.200.000	314.593.600
4	Nguyễn Thị Ngọc Anh	307.096.376	500.000		8.200.000	315.796.376
5	Nguyễn Thị Nhâm	281.727.220	4.000.000		8.200.000	293.927.220
6	Phạm Quốc Hùng	322.531.567	2.500.000		8.200.000	333.231.567
7	Phạm Đức Mạnh	331.689.494	3.500.000		8.200.000	343.389.494
8	Hà Văn Hải	403.083.519	4.500.000		8.200.000	415.783.519
9	Phạm Hồng Hà	202.744.113			8.200.000	210.944.113
10	Nguyễn Huy Quỳnh	205.580.847			8.200.000	213.780.847

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2023: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên (Là Công ty con) về việc thi công mở mạng phát triển khách hàng mới trên hệ thống mạng cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

- Giao dịch trả tiền vay Công ty liên kết số tiền 18 tỷ đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty, có kế hoạch rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ để bảo đảm phù hợp với quy định của các văn bản pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần

Nguyễn Văn Hải

Nước sạch Thái Nguyên và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các thuyết minh sau đây trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Thuyết minh số V.9 về việc Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên theo nguyên giá tạm tính, chưa có phê duyệt quyết toán chính thức. Giá trị công trình có thể thay đổi khi phê duyệt quyết toán chính thức;

- Thuyết minh số V.20a và VII.5 về việc “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Công ty tại ngày 31/12/2023 đang bao gồm số lỗ lũy kế của 05 xí nghiệp thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động, số tiền 93.822.517.729 đồng (số đầu năm là 87.323.570.328 đồng). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh vẫn chưa có chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách đối với khoản lỗ này cho Công ty;

- Thuyết minh số VII.3 về khả năng hoạt động liên tục của nhóm Công ty.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Ban lãnh đạo Công ty đã xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên địa chỉ Website của Công ty: <http://nuocsachthainguyen.vn> ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**TU. CHỦ TỊCH HĐQT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Học